TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định;
Ông Nguyễn Văn Khóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1992.
Đăng ký HKTT: KDC Kh, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: KDC Tr, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
- Bị đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1990.
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Kh, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã C (nay là phường Văn Đ, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/6/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh H bỏ mặc vợ con không quan tâm ngay từ khi chị mang thai và nuôi con nhỏ. Vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc, chị O bỏ về nhà đẻ ở từ năm 2013 cho đến nay. Năm 2016, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu anh có liên lạc với chị, sau không liên lạc nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Phạm Hoàng H, sinh ngày 01/9/2012 và Phạm Ngọc B, sinh ngày 22/6/2015, hiện các con đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con cho đến khi thành niên và chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cả hai con.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị O không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình anh H, chị Phạm Thị L (chị gái anh H) cung cấp: Gia đình có bố đẻ là ông Phạm Văn C đã chết, mẹ đẻ là Lê Thị Th đi làm ăn xa không có nhà. Chị L xác nhận anh Hiếu vẫn thỉnh thoảng liên lạc về cho chị. Tòa án yêu cầu chị cung cấp địa chỉ của anh H ở Đài Loan và yêu cầu anh Hiếu gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị O, nhưng chị L không cung cấp được địa chỉ của anh H, anh H cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị Phạm Thị L, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị L xác định đã thông tin cho anh H biết, anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại khu dân cư, hội phụ nữ, chính quyền địa phương nơi chị O, anh H đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị O, anh H sau khi kết hôn, sinh sống tại địa phương thời gian rất ngắn, sau đó chuyển đi nơi khác nên địa phương không nắm bắt được mâu thuẫn của vợ chồng. Người thân của anh H có bố đẻ là ông C đã chết, mẹ đẻ là bà Th đi làm ăn xa không có nhà, tại địa phương chỉ có chị gái là Phạm Thị L, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị O, anh Hiếu là cháu Phạm Hoàng H có nguyện vọng ở với chị O trong trường hợp anh, chị ly hôn.

Ngày 17/7/2020 TAND tỉnh Hải Dương nhận được đơn đề nghị của bà Lê Thị Th (mẹ đẻ anh H) với nội dung xác định vợ chồng chị O, anh H không có mâu thuẫn gì lớn, gia đình không đồng ý cho vợ chồng chị O, anh H ly hôn. Anh H gọi điện về cho bà Th nói không đồng ý ly hôn và cũng thể về Việt Nam để giải quyết vụ án. Bà Th đề nghị Tòa án chờ khi nào anh H về Việt Nam thì hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Văn H có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở KDC Kh, phường V, Thành phố C, hiện đang sinh sống ở Đài Loan (Trung Quốc) nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị O và gia đình không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở Đài Loan. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh H để thông báo cho anh Hiếu biết việc Tòa án giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị O và anh H. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị gái anh H là Phạm Thị L vẫn thường xuyên liên lạc với anh H và chị L đã nhận các văn bản tố tụng, cam đoan thông báo cho anh H biết việc Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H đã biết việc Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không thể về Việt Nam nên thông qua mẹ đẻ là bà Lê Thị Th đề nghị Tòa án tạm dừng giải quyết vụ án chờ đến khi anh H về Việt Nam thì mới giải quyết. Như vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa lần thứ hai anh H vẫn vắng mặt, chị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/6/2010, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Năm 2016 anh Hiếu đi nước ngoài lao động nhưng sau đó không quan tâm và liên lạc gì với gia đình, vợ con. Thông qua gia đình, anh H có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Th (mẹ đẻ anh H) xác định vợ chồng chị O và anh H không có mâu thuẫn gì lớn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng chị O, anh H đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống đạt, niêm yết công khai giấy triệu tập anh H về Tòa án giải quyết việc ly hôn và hòa giải nhằm mục đích để chị O và anh H đoàn tụ, tuy nhiên anh H không có mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa. Bản thân chị O cũng không mong muốn đoàn tụ gia đình. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh H đã trầm trọng, vợ chồng ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị O ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Phạm Hoàng H, sinh ngày 01/9/2012 và Phạm Ngọc B, sinh ngày

22/6/2015, hiện đang ở với chị O. Chị O có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Xét thấy, các cháu vẫn còn nhỏ và hiện tại vẫn đang ở với chị O; cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác anh H đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Do vậy cần giao cả hai con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Sau này anh H về Việt Nam có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu như có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này anh H về Việt Nam có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết về tài sản chung của vợ chồng (nếu có) theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị O** được ly hôn anh **Phạm Văn H**.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Phạm Hoàng H, sinh ngày 01/9/2012 và Phạm Ngọc B, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị O không yêu cầu anh Phạm Văn H phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Phạm Văn H thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002139 ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân